

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-02-2025
“*V/v ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Chí Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2024 nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày: Vào năm 2012 bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, sự việc kéo dài dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông

Nguyễn Văn T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai người con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2015, con chung hiện đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu giao hai người con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với ông Nguyễn Văn Thế L bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X. Cho bà Trần Thị X ly hôn với ông Nguyễn Văn T; giao hai người con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị X là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị X. Ông Nguyễn Văn Thế L bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị X và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà Trần Thị X với ông Nguyễn Văn Thế L hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà X yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn T nhiều lần để tham gia xét xử nhưng ông T vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Trần Thị X. Bà Trần Thị X cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng không thể tiếp tục hàn gắn và bà X không còn tình cảm đối với ông T. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị X với ông Nguyễn Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị X về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Trần Thị X với ông Nguyễn Văn T có hai người con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2015, con chung do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trần Thị X yêu cầu giao hai người con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Nguyễn Văn T nhưng ông T không có ý kiến gì về yêu cầu của bà X về việc giao hai người con chung cho ông T. Xét thấy, từ khi bà Trần Thị X và ông T không còn chung sống đến nay con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, hai người có chung có nguyện vọng được chung sống với ông T thể hiện tại các bản tự khai ngày 18 tháng 11 năm 2024; để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định của con chung nên Hội đồng xét xử giao hai người con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Trần Thị X, ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị X phải chịu 300.000đ, bà Trần Thị X đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị X và ông Nguyễn Văn T.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003549 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Trần Thị X đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều